

Số: /KH-UBND

Tây Giang, ngày tháng 11 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 22/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 22/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 119/TTr-VHXH ngày 30/10/2025, UBND xã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 57-NQ/TW; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả và cụ thể hóa đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, doanh nghiệp, các đơn vị trường học và nhân dân trên địa bàn xã để thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

## **2. Yêu cầu**

- Bám sát 05 quan điểm chỉ đạo, các định hướng lớn và 07 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã nêu trong Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu bằng các kế hoạch, đề án, chương trình thực hiện đầy đủ, toàn diện và đồng bộ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc thể chế hóa đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo và cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, sáng tạo, chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, kịp thời bổ sung, cập nhật những chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp mới vào Chương trình hành động trong quá trình triển khai thực hiện để đáp ứng yêu cầu.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đảm bảo phát triển bền vững.

- Tập trung vào 4 vấn đề trọng tâm của Nghị quyết:

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; loại bỏ rào cản, thúc đẩy tinh thần sáng tạo, khuyến khích ứng dụng công nghệ mới trong mọi lĩnh vực đời sống, quản lý và sản xuất.

+ Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, cơ sở dữ liệu dùng chung, các nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành, sản xuất và đời sống dân sinh; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

+ Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân; phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống; coi đây là động lực trực tiếp thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

## **2. Mục tiêu cụ thể:**

### **\* Giai đoạn 2025-2027:**

#### **2.1. Phát triển hạ tầng**

- Trên 30% các thôn, khu dân cư được phủ sóng 5G trên địa bàn xã.
- Trên 10% tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.
- Đạt 80% nhà Gươl, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn có kết nối mạng Internet ổn định.

#### **2.2. Phát triển nguồn lực**

- Trên 50% tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- Trên 40% tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.
- Đạt 30% tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ y tế số (*tra cứu hồ sơ sức khỏe, đăng ký khám chữa bệnh, quản lý y tế trực tuyến*).
- Đạt 20% tỷ lệ dân số (phụ huynh, học sinh) sử dụng các nền tảng và dịch vụ giáo dục số (*học tập, tra cứu thông tin, tương tác trực tuyến*).
- Đạt 40% người dân sử dụng dịch vụ bảo hiểm và giao thông số.
- Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển đạt 15%/tổng chi ngân sách hàng năm.

#### **2.3. Phát triển khoa học, công nghệ**

- Trong năm ít nhất có 01 doanh nghiệp trên địa bàn được hỗ trợ, giới thiệu tiếp cận chính sách ĐMST, KHCN của thành phố.
- Trên 10% tỷ lệ kết quả KHCN được ứng dụng thực tiễn (từ các đề tài, sáng kiến của xã).

#### **2.4. Phát triển Chuyển đổi số**

- Trên 60% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền, trong đó 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc và địa giới hành chính.
- Trên 70% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Trên 60% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa. Trong đó 100% kết quả thủ tục hành chính phát sinh mới được số hóa.
- Trên 50% số thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.
- Trên 50% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Trên 20% doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

**\* Giai đoạn 2030:**

**2.5. Phát triển hạ tầng**

- 100% các thôn, khu dân cư được phủ sóng 5G trên địa bàn xã.
- 100% tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.
- 100% nhà Gươl, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn có kết nối mạng Internet ổn định.

**2.6. Phát triển nguồn lực**

- 100% tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 70% tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.
- 60% tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ y tế số (*tra cứu hồ sơ sức khỏe, đăng ký khám chữa bệnh, quản lý y tế trực tuyến*).
- 60% tỷ lệ dân số (phụ huynh, học sinh) sử dụng các nền tảng và dịch vụ giáo dục số (*học tập, tra cứu thông tin, tương tác trực tuyến*).
- 60% người dân sử dụng dịch vụ bảo hiểm và giao thông số.
- Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển đạt 20%/tổng chi ngân sách hàng năm.

**2.7. Phát triển khoa học, công nghệ**

- Trong năm ít nhất có 05 doanh nghiệp trên địa bàn được hỗ trợ, giới thiệu tiếp cận chính sách ĐMST, KHCN của thành phố.
- Trên 40% tỷ lệ kết quả KHCN được ứng dụng thực tiễn (từ các đề tài, sáng kiến của xã).

**2.8. Phát triển Chuyển đổi số**

- 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền, trong đó 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc và địa giới hành chính.
- 80% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa. Trong đó 100% kết quả thủ tục hành chính phát sinh mới được số hóa.
- 100% số thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).

- Trên 45% doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

### **III. DANH MỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

(Chi tiết theo các Phụ lục kèm theo).

### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông**

1.1. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến thường xuyên, sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình số 06-CTr/ĐU ngày 22/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ chính trị đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, ban, ngành xã và các thôn để hiểu rõ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã và triển khai thực hiện.

1.2. Triển khai quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức theo tinh thần Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp; đa dạng hóa các hình thức truyền thông thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình; Trang thông tin điện tử, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các đợt tuyên truyền về lợi ích khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các phương tiện truyền thông, cuộc họp, sinh hoạt cộng đồng nhằm giúp người dân và doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

1.4. Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phong trào thi đua về sáng kiến, áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.5. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cho các nhóm cơ quan nhà nước, cho doanh nghiệp trên địa bàn xã theo chỉ đạo của Trung ương, thành phố.

1.6. Xây dựng kỹ năng số, văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số. Triển khai ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

## **2. Phối hợp triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

2.1. Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của xã ngay khi Trung ương hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đảng ủy Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo khẩn trương nghiên cứu, rà soát, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách để tháo gỡ các điểm nghẽn và đẩy nhanh tiến độ các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã.

2.2. Chủ động xây dựng và triển khai kịp thời các kế hoạch, chương trình của xã nhằm thực hiện hiệu quả các đề án, cơ chế, chính sách của Trung ương và thành phố về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính và chuyển đổi số.

2.3. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp và hộ kinh doanh tiếp cận chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận nguồn vốn và các chương trình hỗ trợ của thành phố.

2.4. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, chuyển đổi số bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Quản lý hoạt động và vận hành hiệu quả các sản phẩm khoa học và công nghệ, chuyển đổi số đã đầu tư, trong đó đảm bảo chi phí vận hành hàng năm khoảng 15% tổng mức đầu tư. Bố trí kinh phí để quản lý và sử dụng hiệu quả các sản phẩm, tài sản tạo ra từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước đầu tư.

2.5. Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và công nghệ số nhằm rút ngắn quy trình, giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp; phấn đấu cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện trên môi trường điện tử toàn trình.

2.6. Phối hợp huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cơ cấu lại nguồn chi sự nghiệp bảo đảm trọng tâm, trọng điểm; quản lý, vận hành hiệu quả các sản phẩm, mô hình chuyển giao. Triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách hiện hành, đặc biệt

là Nghị quyết 136/2024/QH15, Đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo” và các chương trình liên quan.

2.7. Xây dựng và triển khai Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Tây Giang, sau khi có Kế hoạch của thành phố.

2.8. Nghiên cứu triển khai cơ chế, chính sách sử dụng ngân sách nhà nước để đặt hàng, đầu tư, thuê, mua sắm các sản phẩm công nghệ số từ các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo trong nước để tạo thị trường thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghệ số.

### **3. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số**

3.1. Xây dựng Đề án phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng (là hợp phần thuộc Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Tây Giang).

3.2. Phối hợp với các sở, ngành và doanh nghiệp viễn thông phổ cập Internet băng thông rộng đến từng hộ dân; khuyến khích 100% hộ gia đình có khả năng truy cập Internet tốc độ cao. Từng bước triển khai mạng 5G, ưu tiên phục vụ khu vực hành chính công, các thôn và cụm sản xuất.

3.3. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chính quyền số; đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, ký số và gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan; thường xuyên bảo trì, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ của xã.

3.4. Chỉ đạo các đơn vị cập nhật, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung; chủ động kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của thành phố, phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

### **4. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ**

4.1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2030, tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của xã.

4.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và cá nhân tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ của thành phố; tăng cường kết nối, giới thiệu mô hình và gương đổi mới sáng tạo tiêu biểu của xã.

4.3. Rà soát, đề xuất danh mục công trình, dự án trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của xã; triển khai đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông phục vụ xây dựng chính quyền số theo chương trình, đề án của thành phố.

4.4. Ưu tiên bố trí kinh phí và tăng dần theo nhu cầu để triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực. Triển khai đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cho doanh nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp.

## **5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

5.1. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan.

5.2. Tăng cường giáo dục, hướng nghiệp STEM; xây dựng văn hóa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong trường học; lồng ghép nội dung này vào chương trình hướng nghiệp cho học sinh.

5.3. Xây dựng, triển khai kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, khoa học công nghệ. Phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng hàng năm nâng cao năng lực số, kiến thức chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức xã.

## **6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số**

6.1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp thực tiễn. Triển khai và sử dụng hiệu quả các nền tảng, ứng dụng số dùng chung của hệ thống khối chính quyền theo hướng dẫn của thành phố.

6.2. Đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị của xã khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung của thành phố; thường xuyên rà soát, phản ánh, đề xuất hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành của chính quyền xã.

6.3. Phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và doanh nghiệp trên địa bàn; đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, đô thị, y tế, giáo dục, lịch sử, thanh tra... bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, cập nhật phục vụ điều hành.

6.4. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các chương trình hỗ trợ kỹ năng số cho các đối tượng yếu thế; mở lớp học miễn phí, biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng dịch vụ số đơn giản, dễ hiểu.

6.5. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh; ưu tiên triển khai các phần mềm quản lý, marketing, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử. Kết nối đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ với doanh nghiệp địa phương; tổ chức tập huấn, tư vấn và hướng dẫn sử dụng phần mềm phù hợp từng nhóm đối tượng.

6.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ sử dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp. Tổ chức tập huấn, phổ biến quy trình đăng ký, phối hợp nhà cung cấp dịch vụ để hỗ trợ triển khai và xử lý vướng mắc.

## **7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số**

7.1. Quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn xã; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách có đủ năng lực xử lý sự cố và phòng, chống tấn công mạng.

7.2. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn của thành phố trong chia sẻ, báo cáo và xử lý sự cố an toàn thông tin; phân công rõ ràng mỗi phụ trách tại từng đơn vị; xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá định kỳ mức độ an toàn hệ thống hạ tầng số, dữ liệu và dịch vụ công trực tuyến, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa rủi ro.

## **8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng khu vực**

8.1. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

8.2. Chủ động tham gia các hội nghị, diễn đàn, hội thảo, triển lãm về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ do thành phố tổ chức. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn ngân sách chi cho khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin (chi sự nghiệp và chi đầu tư).

- Nguồn ngân sách lồng ghép/bổ trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao để triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

- Các nguồn huy động hợp pháp và xã hội hóa phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã (nếu có).

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thuộc xã và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện và tham mưu ban hành kế hoạch chi tiết để triển khai nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

2. Định kỳ hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Văn hóa - Xã hội xã (trước ngày 05 hằng tháng, tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11 hằng năm) để tổng hợp, báo cáo UBND xã, cập nhật lên <http://nq57.vn>. Đồng thời, phối hợp cung cấp thông tin phục vụ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW theo định kỳ và báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu.

3. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan Thường trực theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch cho UBND xã để theo dõi, chỉ đạo; chuẩn bị tổng hợp nội dung, tài liệu các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trước 03 ngày diễn ra phiên họp gửi các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo.

4. Vào thời điểm xây dựng dự toán năm theo quy định, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và theo khả năng cân đối ngân sách, giao Phòng Kinh tế xã tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị chủ động kịp thời phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố;
- Sở KH&CN thành phố;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- BTT. UBMTTQVN xã;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Ban Nhân dân các thôn;
- C, PCVP;
- Lưu: VT, VHXX, Oi.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Arát Blúi**